

HOSE 08/07/2014

VNINDEX 591.47 0.78 0.13%

KLGD 96,629,270 CP
GTGD 1,487.28 Tỷ
GTR NDTNN 0.00 Tỷ

CP Tăng giá 86 CP
CP Giảm giá 104 CP
CP Đứng giá 114 CP



HNX 08/7/2014

HNXINDEX 79.36 0.43 0.55%

KLGD 51,022,626 CP
GTGD 673.94 Tỷ
GTR NDTNN 0.00 Tỷ

CP Tăng giá 87 CP
CP Giảm giá 105 CP
CP Đứng giá 187 CP



VN30 & HNX30 INDEX

VN30 636.21 -0.54 -0.08%
HNX30 162.05 1.67 1.04%

Tâm điểm

► Lực cầu trở lại vào cuối phiên giúp 2 sàn xanh điểm

► Thanh khoản dù sụt giảm nhưng vẫn ở mức khá

Tổng giá trị giao dịch cả 2 sàn đạt mức khoảng 2,000 tỷ đồng

► FDI vào Việt Nam tăng gấp 3 lần năm 2013

Năm 2013, Việt Nam đứng thứ 3 trong số 10 nước thu hút FDI lớn nhất châu Á-TBD
DVO/Gafin/fDi

► WB dự báo GDP Việt Nam tăng trưởng 5.4% năm 2014

Theo công bố Cập nhật Tình hình Kinh tế Việt Nam của WB
DVO

► IMF sẽ hạ mức dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu

Hồi đầu tháng 4 năm nay, IMF đã dự báo tăng trưởng toàn cầu ở mức 3.6%
VTV

► PVX: Vượt 45% kế hoạch doanh thu 6 tháng, Công ty mẹ vẫn báo lỗ

Với kết quả này, PVX mới chỉ hoàn thành được 43% kế hoạch năm
Đầu tư Chứng khoán

► L10: Lãi 6 tháng đầu năm ước đạt 59% kế hoạch

Cụ thể, 6 tháng đầu năm L10 ước đạt 18.9 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế
Trí Thức Trẻ

Thị trường / Ngành

Theo thị trường

	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
HOSE	1,043,228	14.2	3.2	20.9%	11.1%
HNX	126,590	17.6	1.5	7.6%	4.0%
Toàn bộ thị trường	1,169,818	16.1	3.0	19.7%	10.4%

Theo ngành

	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Nhựa, cao su & sợi	6,930	5.8	0.9	15.7%	10.6%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược &	18,691	7.0	1.5	20.8%	15.3%
Thép và sản phẩm thép	38,215	20.7	2.2	18.3%	7.8%
Khai khoáng	11,257	49.1	4.4	2.5%	1.7%
Vật liệu xây dựng & Nội thất	20,926	17.5	1.4	11.6%	8.2%
Xây dựng	29,770	35.0	1.1	-3.9%	1.5%
Máy công nghiệp	8,242	6.4	1.4	21.3%	14.7%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	9,321	14.3	1.4	14.2%	10.8%
Lốp xe	7,734	9.4	2.6	29.1%	12.8%
Nuôi trồng nông & hải sản	15,846	9.7	1.3	14.4%	6.4%
Thực phẩm	202,335	23.1	4.8	21.9%	16.9%
Dược phẩm	15,728	12.3	3.1	25.7%	16.7%
Phần mềm	17,492	10.7	2.2	22.2%	9.6%
Sản xuất & phân phối điện	22,408	5.6	1.2	-6.9%	3.0%
Phân phối xăng dầu & khí đốt	214,781	18.0	5.7	32.9%	22.1%
Bảo hiểm nhân thọ	29,601	24.0	2.4	10.0%	2.3%
Môi giới chứng khoán	26,131	14.1	1.4	8.4%	6.2%
Ngân hàng	247,115	11.1	1.3	11.1%	0.9%
Bất động sản	140,255	11.9	2.6	27.8%	6.9%
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	37,983	9.9	1.9	20.4%	8.3%

Thống kê thị trường

- HOSE: Thống kê và nhận định thị trường
- HNX: Thống kê và nhận định thị trường
- Tổng hợp chỉ số ngành toàn thị trường

Sac Q. Nguyen

sacnq@vietinbanksc.com.vn

► Tin kinh tế

FDI vào Việt Nam tăng gấp 3 lần năm 2013

FDI vào Việt Nam năm 2013 tăng 3 lần lên 15.31 tỷ USD từ 5.34 tỷ USD năm 2012, chủ yếu nhờ việc Việt Nam tiếp tục hội nhập sâu rộng hơn vào nền kinh tế toàn cầu, chính sách thị trường mở tiếp tục phát huy hiệu quả trong việc thu hút các nhà đầu tư quốc tế. Mức tăng trưởng này đã đưa Việt Nam lên vị trí thứ 3 trong bảng xếp hạng trong nhóm 10 nước thu hút FDI lớn nhất năm 2013 tại châu Á-Thái Bình Dương với tỷ trọng 8.29% tổng FDI vào khu vực, chỉ xếp sau Trung Quốc và Ấn Độ.

WB dự báo GDP Việt Nam tăng trưởng 5.4% năm 2014

Chiều nay (8/7), Ngân hàng Thế giới (World Bank – WB) công bố Cập nhật Tình hình Kinh tế của Việt Nam. Theo WB, các điều kiện toàn cầu được cải thiện cho phép Việt Nam củng cố hơn nữa những thành quả về ổn định kinh tế vĩ mô. Chỉ số lạm phát chung giảm từ mức đỉnh 23% vào tháng 8/2011 xuống khoảng 5% vào tháng 6/2014. Tuy nhiên, thâm hụt tài khóa tăng lên cho thấy ngày càng nhiều thách thức vĩ mô. Tăng trưởng kinh tế của Việt Nam vẫn ở mức khiêm tốn và tiếp tục vẫn thấp hơn xu hướng dài hạn. Tăng trưởng GDP năm 2014 ước tính khoảng 5.4% và dự báo không vượt quá 5.5% trước năm 2016. Về ngắn hạn, lý do là cầu trong nước còn yếu. Về dài hạn, xu hướng tăng trưởng vẫn khiêm tốn do những vấn đề mang tính cơ cấu.

IMF sẽ hạ mức dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu

Tại hội nghị các chuyên kinh tế tại Pháp bà Christine Lagarde, Giám đốc điều hành Quỹ Tiền tệ quốc tế IMF đã ám chỉ nhiều khả năng IMF sẽ cắt giảm mức dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm nay trong báo cáo sắp tới. Bà Lagarde cho biết, tuy nền kinh tế toàn cầu đang trên đà phục hồi, nhưng tốc độ tăng trưởng kinh tế ở Mỹ và châu Âu vẫn còn khá chậm so với những kỳ vọng lạc quan hồi đầu năm nay. Vậy nên IMF rất có thể sẽ cắt giảm mức dự báo tăng trưởng toàn cầu 3.6% đưa ra hồi đầu tháng 4 năm nay. Tuy vậy, bà Lagarde cũng cho rằng, kinh tế Mỹ sẽ quay đầu tăng trưởng trong quý 2 và những rủi ro tài chính ở các thị trường mới nổi châu Á là không đáng lo ngại.

Sac Q. Nguyen

sacnq@vietinbanksc.com.vn

► Tin doanh nghiệp

PVX: Vượt 45% kế hoạch doanh thu 6 tháng, Công ty mẹ vẫn báo lỗ

Tại Hội nghị Sơ kết 6 tháng đầu năm, triển khai kế hoạch 6 tháng cuối năm 2014 vừa được tổ chức tại Thanh Hóa, Tổng CTCP Xây lắp dầu khí Việt Nam – PVC (HNX: PVX) đã công bố tình hình kinh doanh của Công ty. Theo đó, giá trị sản xuất kinh doanh của toàn tổ hợp trong 6 tháng đầu năm ước thực hiện là 3,877.47 tỷ đồng, đạt 152% kế hoạch 6 tháng và bằng 46% kế hoạch cả năm 2014. Doanh thu của toàn tổ hợp ước thực hiện 3,252.42 tỷ đồng, đạt 145% kế hoạch 6 tháng và bằng 43% kế hoạch năm. Mặc dù chỉ tiêu giá trị sản xuất kinh doanh và doanh thu đều vượt mức kế hoạch, nhưng Công ty mẹ vẫn ghi nhận lỗ do tiếp tục phải thực hiện nghĩa vụ trích lập dự phòng bảo lãnh, trích lập phải thu và trích lập dự phòng đầu tư tài chính.

L10: Lãi 6 tháng đầu năm ước đạt 59% kế hoạch

Công ty cổ phần Lilama 10 (HOSE: L10) vừa công bố thông tin lược trích Nghị quyết HĐQT ngày 4/7/2014. Sau nửa năm, L10 ước đạt 512 tỷ đồng giá trị sản lượng, tương đương 51.2% kế hoạch cả năm. Doanh thu thực hiện đạt 470 tỷ đồng, tương đương 58% kế hoạch cả năm. Về các chỉ tiêu tài chính, L10 ước đạt 18.9 tỷ đồng LNTT, đạt 59.2% kế hoạch lợi nhuận cả năm. Trong nửa đầu năm 2014, công ty đã chi hết 55 tỷ đồng "quota" dành cho đầu tư xây dựng cơ bản cả năm và 10.3 tỷ đồng chi mua sắm máy móc thiết bị nâng cao năng lực sản xuất (17.3% kế hoạch cả năm). Không đặt kế hoạch tài chính 6 tháng cuối năm, L10 dự kiến sẽ thực hiện 489.2 tỷ đồng giá trị sản lượng và 340 tỷ đồng doanh thu trong 6 tháng còn lại.

ITQ: Lợi nhuận trước thuế quý 2/2014 ước đạt 8 tỷ đồng

Thông tin từ CTCP Tập đoàn Inox Thiên Quang (HNX: ITQ) cho biết, quý 2/2014, doanh thu công ty ước đạt 169 tỷ đồng, tăng 24% so với cùng kỳ năm 2013, trong đó doanh thu xuất khẩu đạt 30.7 tỷ - tăng 45%. Tỷ suất lợi nhuận gộp biên tăng từ 4.7% trong quý 2/2013 lên 6.7% trong quý này. Bên cạnh đó, chi phí tài chính giảm 52% còn 1.5 tỷ cũng giúp cho kết quả kinh doanh của doanh nghiệp tăng lên đáng kể. Theo đó, lợi nhuận trước thuế quý 2/2014 của ITQ đạt 8 tỷ đồng. Như vậy, 6 tháng đầu năm, Inox Thiên Quang đã đạt 12.4 tỷ lợi nhuận trước thuế. Năm 2014, công ty đặt kế hoạch 544 tỷ doanh thu và 15 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế.

HOSE 08/07/2014 VNINDEX 591.47 0.78 0.13% 96,629,270 CP 1,487.28 bil VND

Lực cầu trở lại vào cuối phiên giúp 2 sàn xanh điểm

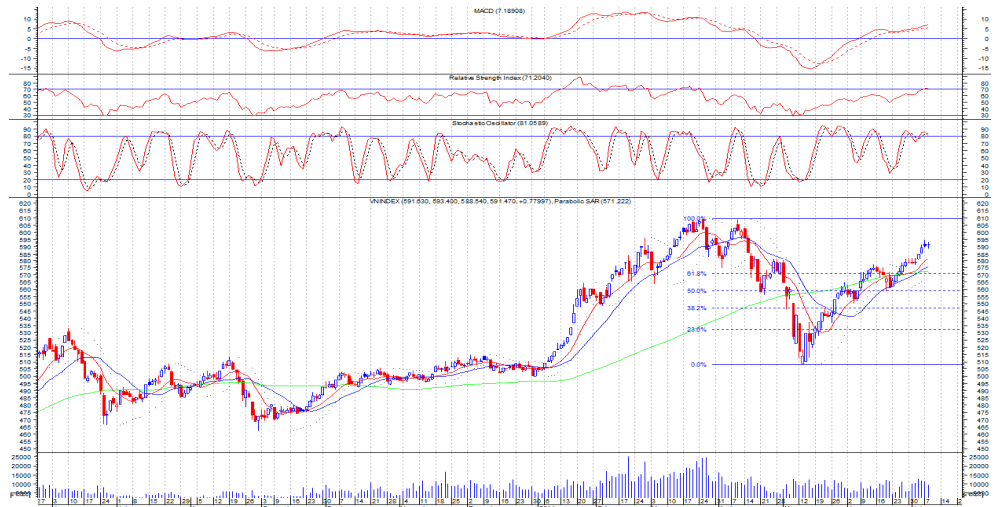
VN-Index tăng 0.78 điểm (+0.13%), đóng cửa tại mức 591.47 điểm. VN-Index hình thành cây nến xanh, thân ngắn, cây nến gần giống với nến Doji thể hiện sự lưỡng lự của VN-Index.

- MACD vẫn tiếp tục gia tăng mạnh, cho thấy tín hiệu tăng điểm VN-Index vẫn được củng cố.

- Stochastic Oscillator cho tín hiệu bán ra phiên hôm nay.

- MA10, MA20 gia tăng mạnh và trở thành ngưỡng hỗ trợ khá tốt cho chỉ số nếu VN-Index điều chỉnh

- RSI (14) gia tăng lên mức 71.



HOSE Top 5 theo KLGD

FLC	0.2 (1.6%)	9,437,080
ITA	0 (0.0%)	6,464,260
IJC	0.5 (3.8%)	3,543,180
AVF	-0.1 (-1.9%)	3,508,480
HAG	0.2 (0.8%)	3,232,150

HOSE Top 5 theo % tăng

PXL	0.3 (6.8%)	1,317,460
VSI	0.5 (6.7%)	10
NBB	1.3 (6.6%)	522,730
VNH	0.3 (6.5%)	932,340
PTL	0.2 (6.5%)	1,830,020

HOSE Top 5 theo % giảm

HDG	-4.1 (-13.7%)	127,140
KAC	-0.7 (-6.4%)	10
LGC	-1.4 (-6.3%)	100
VNS	-3 (-6.3%)	5,040
CCI	-0.8 (-6.0%)	120

HOSE Top 5 Mua ròng NDTNN

CSM	8,3 tỷ	192,070
PVT	6,1 tỷ	452,860
KBC	3,6 tỷ	315,020
DPR	3,6 tỷ	90,510
CTG	3,0 tỷ	206,810

HOSE Top 5 Bán ròng NDTNN

VIC	-50,0 tỷ	692,420
PET	-8,9 tỷ	490,000
MSN	-8,0 tỷ	85,840
DPM	-6,7 tỷ	201,630
TDH	-3,2 tỷ	198,330

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HOSE	4.376.130	0.00

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ Sự giằng co tiếp tục diễn ra khá mạnh phiên hôm nay, lực bán chốt lời đẩy nhiều mã giảm giá. Tuy nhiên, lực cầu vẫn duy trì tốt, đặc biệt ở thời điểm cuối phiên.
- ▶ KLGD sụt giảm và đạt 114 triệu đơn vị. Dù sụt giảm nhưng đây vẫn là mức khá, nó cho thấy động lực tăng của VN-Index vẫn còn.
- ▶ Khối ngoại bán ròng 50 tỷ trong phiên hôm nay. Khối này bán ròng nhiều ở mã VIC, chúng tôi cho rằng đà bán ròng này không có quá nhiều lo ngại.
- ▶ VN-Index hướng tới vùng đỉnh cũ 600 điểm. Việc dòng tiền duy trì tốt khiến chúng tôi tin rằng VN-Index nhiều khả năng sẽ chinh phục thành công mốc này.
- ▶ NĐT có thể xem xét ưu tiên nhóm cổ phiếu chưa tăng trưởng mạnh về giá giai đoạn vừa rồi, có thể xem xét sử dụng margin nếu thanh khoản tiếp tục được duy trì.

HOSE - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
GAS	1,895.0	111.0	210,345.00	18.5	5.9	33.4%	22.6%
VNM	833.4	129.0	107,512.96	16.8	5.7	36.4%	29.1%
VCB	2,665.0	26.2	69,823.53	15.9	1.6	10.4%	1.0%
MSN	734.9	93.0	68,346.75	205.0	4.6	2.2%	0.7%
VIC	894.2	71.5	63,938.19	8.5	4.1	47.0%	11.1%
CTG	3,723.4	14.7	54,734.05	8.6	1.0	11.4%	1.1%
BID	2,811.2	14.8	41,605.80	9.1	1.3	14.2%	0.8%
BVH	680.5	43.2	29,396.37	24.0	2.4	10.0%	2.3%
HPG	481.9	55.0	26,504.95	11.2	2.6	25.0%	10.7%
STB	1,142.5	20.4	23,307.24	10.7	1.4	13.5%	1.3%

HOSE - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

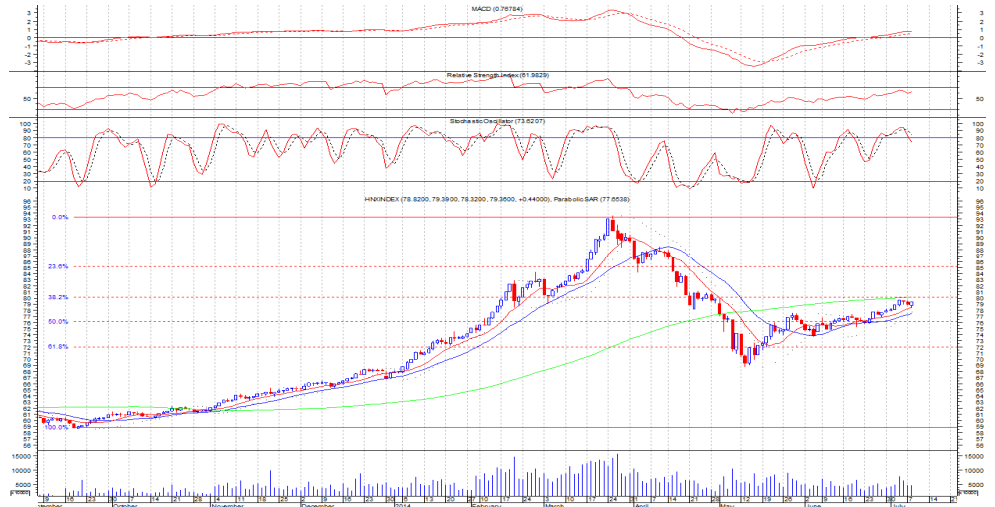
Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PVT	255.9	13.5	3,454.11	13.8	1.2	NA	TH.DOI
FPT	343.9	49.9	17,160.32	10.7	2.3	NA	TH.DOI
CII	112.9	20.5	2,313.66	15.9	1.4	NA	TH.DOI
BMP	45.5	71.0	3,228.97	8.6	2.1	NA	TH.DOI
NHS	60.8	12.1	735.08	5.3	0.8	NA	TH.DOI
FDC	27.6	19.2	530.11	1.9	0.9	NA	TH.DOI

HNX 08/07/2014 HNX-Index 79.36 0.43 0.55% 51,022,626 CP 673.94 bil. VND

Lực cầu trở lại vào cuối phiên giúp 2 sàn xanh điểm

Chỉ số HNX-Index tăng 0.43 điểm (+0.55%), đóng cửa tại mốc 79.36 điểm. HNX-Index tạo thành cây nến xanh, thân nến vừa phải, HNX-Index hồi phục trở lại sau 2 phiên điều chỉnh liên tiếp.

- Chỉ báo Stochastic Oscillator đi ra khỏi vùng quá mua.
- MACD đi ngang những xu hướng tăng điểm của HNX-Index vẫn chưa bị phá vỡ.
- RSI (14) tăng nhẹ lên mức 61.
- HNX-Index đang chinh phục lại vùng kháng cự 80 điểm.



HNX Top 5 theo KLGD

SHB	0.2 (2.2%)	6,491,810
PVX	0.1 (2.3%)	4,030,620
KLS	0.2 (1.6%)	3,863,910
SCR	0.1 (1.1%)	2,813,590
PVS	0 (0.0%)	2,633,190

HNX Top 5 theo % tăng

SQC	7 (10.0%)	300,000
BXH	0.9 (9.7%)	200
DHT	2.5 (9.3%)	7,000
CT6	0.6 (9.0%)	100
TH1	1.9 (8.9%)	100

HNX Top 5 theo % giảm

CKV	-1.2 (-10.0%)	500
NGC	-1.5 (-10.0%)	2,000
MCC	-1.4 (-9.9%)	1,300
DBT	-3.2 (-9.8%)	8,410
GMX	-1.2 (-9.5%)	100

HNX Top 5 Mua ròng NDTNN

VND	11,5 tỷ	683,100
KLS	6,0 tỷ	480,000
PVS	2,8 tỷ	94,600
AAA	2,0 tỷ	104,200
ITQ	0,3 tỷ	28,300

HNX Top 5 Bán ròng NDTNN

PVC	-5,4 tỷ	285,000
VIG	-0,8 tỷ	150,000
SHS	-0,4 tỷ	37,000
DXP	-0,2 tỷ	5,000
SED	-0,2 tỷ	9,800

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HNX	1.980.500	0.00

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ Sự giằng co tiếp tục diễn ra khá mạnh phiên hôm nay, lực bán chốt lời đẩy nhiều mã giảm giá. Tuy nhiên, lực cầu tốt ở SHB phiên chiều đã giúp HNX-Index xanh điểm.
- ▶ KLGD sụt giảm nhẹ và đạt 47 triệu đơn vị. Dù sụt giảm nhưng đây vẫn là mức khá, nó cho thấy động lực tăng của HNX-Index vẫn còn.
- ▶ Khối ngoại mua ròng 17 tỷ trong phiên hôm nay. Việc khối ngoại liên tục duy trì đà mua ròng sẽ hỗ trợ khá tốt cho thị trường trong bối cảnh hiện nay.
- ▶ HNX-Index hướng tới vùng kháng cự 80 điểm. Việc dòng tiền gia tăng tốt khiến chúng tôi tin rằng HNX-Index nhiều khả năng sẽ chinh phục thành công mốc này.
- ▶ NĐT có thể xem xét ưu tiên nhóm cổ phiếu chưa tăng trưởng mạnh về giá giai đoạn vừa rồi, có thể xem xét sử dụng margin nếu thanh khoản tiếp tục được duy trì.

HNX - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
ACB	909.8	15.5	14,101.60	18.5	1.1	6.1%	0.5%
PVS	446.7	29.8	13,311.67	8.8	1.6	19.3%	6.2%
SQC	110.0	77.1	8,481.00	237.8	5.8	-2.4%	-2.0%
SHB	886.1	9.4	8,329.18	10.1	0.8	7.9%	0.7%
VCG	441.7	14.5	6,404.80	13.8	1.1	8.3%	1.8%
OCH	200.0	25.6	5,120.00	36.3	2.4	6.3%	3.1%
PVI	225.4	18.7	4,215.24	15.3	0.7	4.6%	2.1%
NTP	56.3	53.9	3,036.69	10.1	2.3	23.8%	16.0%
LAS	77.8	35.2	2,739.69	6.1	1.9	33.5%	17.5%
VNR	131.1	20.0	2,621.52	7.4	1.1	14.5%	7.0%

HNX - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PGS	38.0	31.5	1,197.00	7.7	1.3	NA	TH.DOI
AAA	19.8	19.8	392.04	7.3	0.7	NA	TH.DOI
VND	96.9	17.0	1,647.92	11.7	1.3	NA	TH.DOI
NTP	56.3	53.9	3,036.69	10.1	2.3	NA	TH.DOI
PVC	50.0	19.4	970.00	11.3	1.1	NA	TH.DOI
DXP	7.9	38.0	299.25	6.1	1.4	NA	TH.DOI

FTSE Vietnam (UCITS ETF)

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	734.9	68,346.75	13.73%	93.0	205.02	4.60	125,123	139,972	158,516
VIC	HOSE	894.2	63,938.19	13.68%	71.5	8.54	4.08	238,537	256,999	402,975
HPG	HOSE	481.9	26,504.95	13.62%	55.0	11.19	2.57	900,364	828,094	673,395
PVD	HOSE	275.3	22,984.05	9.64%	83.5	10.72	2.22	275,621	349,383	349,189
HAG	HOSE	718.2	18,456.58	8.07%	25.7	15.08	1.38	2,632,594	2,599,919	2,872,612
STB	HOSE	1,142.5	23,307.24	7.65%	20.4	10.70	1.42	512,310	2,615,572	1,548,679
VCB	HOSE	2,665.0	69,823.53	6.07%	26.2	15.91	1.59	466,401	593,368	621,757
DPM	HOSE	379.9	12,575.82	5.32%	33.1	6.70	1.45	717,970	927,575	1,370,733
ITA	HOSE	718.0	6,103.05	3.07%	8.5	107.50	0.78	5,666,495	5,392,626	5,854,932
BVH	HOSE	680.5	29,396.37	2.45%	43.2	24.02	2.36	185,875	211,784	359,318
KBC	HOSE	389.8	4,521.22	2.33%	11.6	26.73	0.89	1,394,705	1,238,138	957,386
HSG	HOSE	96.3	4,488.19	2.28%	46.6	11.41	2.02	124,682	118,759	152,009
GMD	HOSE	114.4	3,936.11	1.97%	34.4	130.62	0.89	195,046	192,785	282,366
VSH	HOSE	206.2	3,196.74	1.58%	15.5	15.07	1.21	812,432	496,584	451,475
PPC	HOSE	318.2	6,649.43	1.47%	20.9	7.35	1.19	313,888	270,605	438,503
CSM	HOSE	67.3	2,907.01	1.45%	43.2	7.97	2.28	619,239	476,024	401,044
DRC	HOSE	83.1	4,236.77	1.34%	51.0	11.17	2.92	372,167	247,300	225,134
HVG	HOSE	120.0	2,856.00	1.24%	23.8	14.96	1.24	344,151	591,345	556,518
PVT	HOSE	255.9	3,454.11	1.16%	13.5	13.77	1.16	1,706,597	1,515,878	945,876
DIG	HOSE	143.0	2,359.43	1.06%	16.5	45.11	1.01	202,977	197,019	287,001
OGC	HOSE	300.0	3,450.00	0.82%	11.5	49.89	1.06	1,530,090	1,459,009	1,883,363

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

DB Platinum Advisors
FTST Vietnam Index

Ngày lập quỹ **15/01/2008**
Ngày lập chỉ số **14/05/2007**

SLCKVN **22/22**
TGTTSQL **361 mil.**

Market Vectors Vietnam ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
STB	HOSE	1,142.5	23,307.24	7.67%	20.4	10.70	1.42	512,310	2,615,572	1,548,679
MSN	HOSE	734.9	68,346.75	7.43%	93.0	205.02	4.60	125,123	139,972	158,516
VCB	HOSE	2,665.0	69,823.53	7.31%	26.2	15.91	1.59	466,401	593,368	621,757
VIC	HOSE	894.2	63,938.19	6.29%	71.5	8.54	4.08	238,537	256,999	402,975
DPM	HOSE	379.9	12,575.82	5.63%	33.1	6.70	1.45	717,970	927,575	1,370,733
BVH	HOSE	680.5	29,396.37	5.63%	43.2	24.02	2.36	185,875	211,784	359,318
PVS	HNX	446.7	13,311.67	5.50%	29.8	8.76	1.56	3,010,721	2,293,832	2,083,087
PVD	HOSE	275.3	22,984.05	3.79%	83.5	10.72	2.22	275,621	349,383	349,189
ITA	HOSE	718.0	6,103.05	3.48%	8.5	107.50	0.78	5,666,495	5,392,626	5,854,932
SHB	HNX	886.1	8,329.18	3.36%	9.4	10.09	0.77	8,491,798	6,340,318	6,760,115
HAG	HOSE	718.2	18,456.58	3.27%	25.7	15.08	1.38	2,632,594	2,599,919	2,872,612
VCG	HNX	441.7	6,404.80	3.21%	14.5	13.75	1.10	1,217,514	1,294,993	1,767,186
OGC	HOSE	300.0	3,450.00	2.07%	11.5	49.89	1.06	1,530,090	1,459,009	1,883,363
DRC	HOSE	83.1	4,236.77	1.52%	51.0	11.17	2.92	372,167	247,300	225,134
GMD	HOSE	114.4	3,936.11	1.49%	34.4	130.62	0.89	195,046	192,785	282,366
PPC	HOSE	318.2	6,649.43	1.32%	20.9	7.35	1.19	313,888	270,605	438,503
PVT	HOSE	255.9	3,454.11	1.16%	13.5	13.77	1.16	1,706,597	1,515,878	945,876
PVX	HNX	400.0	1,800.00	0.00%	4.5	- 0.79	2.20	5,765,204	5,977,692	7,452,714

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

Van Eck Global
Market Vector Vietnam Index

Ngày lập quỹ **08/11/2009**
Ngày lập chỉ số **24/11/2008**

SLCKVN **17/27**
TGTTSQL **439.5 mil.**

MSCI Frontier Market Index ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
VIC	HOSE	894.2	63,938.19	0.00%	71.5	8.54	4.08	238,537	256,999	402,975
MSN	HOSE	734.9	68,346.75	0.00%	93.0	205.02	4.60	125,123	139,972	158,516
DPM	HOSE	379.9	12,575.82	0.00%	33.1	6.70	1.45	717,970	927,575	1,370,733
HAG	HOSE	718.2	18,456.58	0.00%	25.7	15.08	1.38	2,632,594	2,599,919	2,872,612
VCB	HOSE	2,665.0	69,823.53	0.00%	26.2	15.91	1.59	466,401	593,368	621,757
STB	HOSE	1,142.5	23,307.24	0.00%	20.4	10.70	1.42	512,310	2,615,572	1,548,679
BVH	HOSE	680.5	29,396.37	0.00%	43.2	24.02	2.36	185,875	211,784	359,318
CTG	HOSE	3,723.4	54,734.05	0.00%	14.7	8.64	0.99	324,896	281,731	419,713
GAS	HOSE	1,895.0	210,345.00	0.00%	111.0	18.53	5.87	320,405	323,428	435,481

Công ty quản lý: **Royal Bank of Scotland** Ngày lập quỹ: **19/09/2011** SLCKVN: **9/142**
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI Frontier Markets Index** Ngày lập chỉ số: **30/11/2007** TGTTSQL: **22.25 mil.**

iShares MSCI Frontier 100 Index Fund

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	734.9	68,346.75	0.88%	93.0	205.02	4.60	125,123	139,972	158,516
VIC	HOSE	894.2	63,938.19	0.56%	71.5	8.54	4.08	238,537	256,999	402,975
STB	HOSE	1,142.5	23,307.24	0.31%	20.4	10.70	1.42	512,310	2,615,572	1,548,679
VCB	HOSE	2,665.0	69,823.53	0.24%	26.2	15.91	1.59	466,401	593,368	621,757
DPM	HOSE	379.9	12,575.82	0.15%	33.1	6.70	1.45	717,970	927,575	1,370,733
BVH	HOSE	680.5	29,396.37	0.08%	43.2	24.02	2.36	185,875	211,784	359,318

Công ty quản lý: **iShares** Ngày lập quỹ: **12/09/2012** SLCKVN: **6/102**
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI Frontier 100 Index** Ngày lập chỉ số: **30/11/2007** TGTTSQL: **519.45 mil.**

iShares MSCI Vietnam Investable Market Index Fund ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
-------	-----	-------------------	-----------------	----------	---------------	-------------	-------------	---------------------	---------------------	---------------------

Công ty quản lý: **iShares** Ngày lập quỹ: SLCKVN
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI VN Investable Market Indx** Ngày lập chỉ số: **01/12/2010** TGTTSQL: **4,752.96 mil.**

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Hóa chất & Tài nguyên cơ bản					
Hóa Chất					
Nhựa, cao su & sợi	6,930	5.8	0.9	15.7%	10.6%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Hóa chất khác	18,691	7.0	1.5	20.8%	15.3%
Lâm nghiệp và giấy					
Lâm sản và Chế biến gỗ	1,811	23.5	0.8	2.8%	1.7%
Sản xuất giấy	804	8.3	0.8	10.7%	5.4%
Kim loại					
Thép và sản phẩm thép	38,215	20.7	2.2	18.3%	7.8%
Khai khoáng					
Khai thác than	1,637	4.1	0.7	18.3%	3.8%
Khai khoáng	11,257	49.1	4.4	2.5%	1.7%
Xây dựng và vật liệu					
Xây dựng và vật liệu					
Vật liệu xây dựng & Nội thất	20,926	17.5	1.4	11.6%	8.2%
Xây dựng	29,770	-	35.0	-3.9%	1.5%
Hàng và dịch vụ công nghiệp					
Hàng công nghiệp					
Containers & Đóng gói	2,136	7.4	1.2	17.6%	9.4%
Công nghiệp phức hợp	902	4.7	1.0	22.2%	16.3%
Điện tử và thiết bị điện					
Hàng điện & điện tử	1,786	10.1	1.0	7.8%	3.8%
Thiết bị điện	1,691	-	18.0	-0.2%	-1.1%
Công nghiệp nặng					
Xe tải & Đóng tàu	39	24.4	0.5	2.2%	1.5%
Máy công nghiệp	8,242	6.4	1.4	21.3%	14.7%
Vận tải					
Vận tải thủy	8,336	-	2.8	0.9	3.6%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	9,321	14.3	1.4	14.2%	10.8%
Dịch vụ vận tải	6,058	8.9	1.5	18.4%	11.3%
Tư vấn & hỗ trợ kinh doanh					
Tư vấn & Hỗ trợ KD	3,446	10.5	1.4	13.9%	4.7%
Đào tạo & Việc làm	204	9.7	0.6	8.1%	2.7%
Nhà cung cấp thiết bị	186	8.6	0.8	10.4%	4.5%
Chất thải & Môi trường	152	2.3	0.7	34.5%	17.0%
Ô tô và Phụ tùng					
Ô tô và Phụ tùng					
Sản xuất ô tô	1,761	10.0	1.3	12.9%	7.5%
Lốp xe	7,734	9.4	2.6	29.1%	12.8%
Thực phẩm và đồ uống					
Bia và đồ uống					
Sản xuất bia	1,787	6.9	1.1	15.9%	8.6%
Vang & Rượu mạnh	366	13.6	2.2	18.5%	11.4%
Đồ uống & giải khát	263	7.5	1.4	14.2%	9.7%
Sản phẩm thực phẩm					
Nuôi trồng nông & hải sản	15,846	9.7	1.3	14.4%	6.4%
Thực phẩm	202,335	23.1	4.8	21.9%	16.9%
Hàng cá nhân và gia dụng					
Hàng gia dụng					
Đồ gia dụng lâu bền	53	42.2	0.7	1.6%	1.2%
Thiết bị gia dụng	2,164	8.3	0.9	12.3%	6.1%
Hàng hóa giải trí					
Điện tử tiêu dùng	151	8.5	1.4	14.5%	10.1%
Hàng cá nhân					
Hàng may mặc	3,170	8.8	1.5	17.8%	7.0%
Giày dép	8	-	1.1	0.5	-33.3%
Hàng cá nhân	4,832	8.8	1.7	16.7%	9.0%
Thuốc lá					
Thuốc lá	692	-	8.3	1.0%	4.5%

Chỉ số bình quân ngành		Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Y tế						
Thiết bị và dịch vụ y tế						
Thiết bị y tế		920	16.5	1.0	4.9%	2.9%
Dụng cụ y tế		135	3.3	1.7	31.8%	13.0%
Dược phẩm						
Công nghệ sinh học		176	8.3	1.1	13.2%	9.3%
Dược phẩm		15,728	12.3	3.1	25.7%	16.7%
Bán lẻ						
Phân phối thực phẩm và dược						
Phân phối thực phẩm		268	35.1	0.8	2.4%	0.7%
Bán lẻ						
Bán lẻ phức hợp		692	13.1	1.1	12.7%	8.1%
Phân phối hàng chuyên dụng		2,205	8.9	1.3	14.4%	3.1%
Truyền thông, Du lịch và Giải trí						
Truyền thông						
Dịch vụ truyền thông		10	2.7	0.5	18.3%	11.3%
Sách, ấn bản & sản phẩm văn hóa		1,025	8.2	0.9	12.4%	8.2%
Du lịch và giải trí						
Hàng không		196	8.6	3.7	52.7%	27.1%
Khách sạn		5,687	35.6	2.3	6.0%	3.1%
Dịch vụ giải trí		2,252	28.3	1.5	15.3%	13.0%
Vận tải hành khách & Du lịch		1,245	11.0	2.2	16.9%	15.0%
Viễn Thông & Công nghệ thông tin						
Viễn thông cố định						
Viễn thông cố định		64	15.0	0.5	3.1%	1.6%
Phần mềm và dịch vụ máy tính						
Dịch vụ máy tính		619	24.5	0.8	3.2%	1.2%
Internet		407	85.8	1.0	1.1%	0.2%
Phần mềm		17,492	10.7	2.2	22.2%	9.6%
Thiết bị và phần cứng						
Phần cứng		437	15.6	0.7	4.1%	1.6%
Thiết bị văn phòng		268	5.2	1.0	20.0%	14.9%
Thiết bị viễn thông		2,169	14.6	0.7	5.1%	3.7%
Điện nước, xăng dầu và khí đốt						
Sản xuất & phân phối điện						
Sản xuất & phân phối điện		22,408	-	5.6	-6.9%	3.0%
Nước & khí đốt						
Phân phối xăng dầu & khí đốt		214,781	18.0	5.7	32.9%	22.1%
Nước		1,176	6.4	1.0	16.7%	11.1%
Bảo hiểm, Dịch vụ tài chính, Ngân hàng, Bất động sản						
Bảo hiểm phi nhân thọ						
Bảo hiểm phức hợp		1,178	5.2	0.8	15.2%	5.0%
Bảo hiểm phi nhân thọ		6,562	12.4	0.7	5.9%	2.7%
Tái bảo hiểm		2,635	7.4	1.1	14.5%	7.0%
Bảo hiểm nhân thọ						
Bảo hiểm nhân thọ		29,601	24.0	2.4	10.0%	2.3%
Dịch vụ tài chính						
Tài chính đặc biệt		3,390	49.9	1.1	2.1%	0.6%
Môi giới chứng khoán		26,131	14.1	1.4	8.4%	6.2%
Ngân hàng						
Ngân hàng		247,115	11.1	1.3	11.1%	0.9%
Bất động sản						
Bất động sản		140,255	11.9	2.6	27.8%	6.9%
Tư Vấn, Định giá, Môi giới Bất động sản		8	14.2	0.7	5.5%	2.5%
Dầu khí						
Thiết bị, dịch vụ và phân phối						
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí		37,983	9.9	1.9	20.4%	8.3%

- | | | | |
|---------------------------|--|--------------------------|--|
| ▶ Nguyễn Hữu Quang | Giám đốc Tư vấn Đầu tư
quangnh@vietinbanksc.com.vn | | |
| ▶ Nguyễn Quang Sắc | sacnq@vietinbanksc.com.vn
- Tổng hợp thông tin vĩ mô
- Phân tích kỹ thuật
- Nhận định, bình luận thị trường | ▶ Nguyễn Thu Hằng | hangntt@vietinbanksc.com.vn
- Ngân hàng
- Thép và sản phẩm thép
- Dược phẩm |
| ▶ Nguyễn Hoài Nam | namnh@vietinbanksc.com.vn
- Sản phẩm hóa dầu
- Phân phối xăng dầu, khí đốt
- Thiết bị và dịch vụ dầu khí | ▶ Vũ Ánh Nguyệt | nguyetva@vietinbanksc.com.vn
- Nhựa, cao su, sợi
- Thực phẩm
- Nuôi trồng nông và hải sản |

Bản báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. VietinBankSc tuyệt đối không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào của bản báo cáo này.

Toàn bộ các quan điểm thể hiện trong báo cáo này đều là quan điểm cá nhân của người phân tích. Không có bất kỳ một phần thu nhập nào của người phân tích liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến các khuyến cáo hay quan điểm cụ thể trong bản báo cáo này.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được VietinBankSc thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo rằng những thông tin này là hoàn chỉnh hoặc chính xác. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Bản báo cáo này được giữ bản quyền và là tài sản của VietinBankSc. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của VietinBankSc đều trái luật.

Bản quyền thuộc VietinBankSc, 2013. Vui lòng trích nguồn khi sử dụng các thông tin trong bản báo cáo này.